

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28- 5 - 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Cẩm

Bà Phạm Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Ái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh V V K, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Bản P X, xã C Kh, huyện C C, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Lê Văn Lý– Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Kha Thị Nghĩa, sinh năm 1996 .Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Địa chỉ: Bản T B, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: A K và chị Ng quen biết, yêu thương nhau, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C Kh, huyện C C, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/01/2017 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm thậm tệ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Nay A K không còn tình cảm với chị Ng nên có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: A K và chị Ng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: A K chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn anh V V K đồng ý với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không bổ sung thêm ý kiến.

Bị đơn chị Kha Thị Nghĩa trong quá trình giải quyết luôn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án, mặc dù chị đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị Ng cố tình vắng mặt.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An đã cung cấp nội dung như sau:

Chị Kha Thị Nghĩa hiện tại đang vắng mặt tại địa phương nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà và có điện thoại liên lạc với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Kha Thị Nghĩa không chấp hành và không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V V K; Về con chung: A K và chị Ng không có con chung; Về tài sản chung: A K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Kha Thị Nghĩa có hộ khẩu thường trú tại bản T B, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh V V K và bị đơn chị Kha Thị Nghĩa thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: A K và chị Ng kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã C Kh, huyện C C, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số số 03/2017 ngày 18/01/2017 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: A K và chị Ng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, bản thân A K không còn tình cảm với chị Ng. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của A K và chị Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của A K là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

2. Con chung: A K và chị Ng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Tài sản, nợ chung: A K chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Anh V V K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh V V K được ly hôn với chị Kha Thị Nghĩa.

2. Con chung: Chị Ng và A K không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Anh V V K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh V V K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000583 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12 tháng 5 năm 2021. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã C Kh, C C;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Moong Công Hải